

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 29-6-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Mạnh.

Ông Hoàng Quốc Mậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, tại Nam Định

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến S và con bà Trần Thị E; có chồng là Trần Quang B và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 27 ngày 27-4-2018 của Cơ quan CSĐT Công an huyện V, tỉnh Nam Định

(Có mặt)

- Bị hại: Chị Trần Thị A- Sinh năm 1998. (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn X, xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Anh Trần Quang B- Sinh năm 1986. (Vắng mặt).

2. Bà Trần Thị C- Sinh năm 1968. (Vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn X, xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14-4-2018, Nguyễn Thị H có sang nhà chị Trần Thị A ở cùng thôn X, xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định vay số tiền 2.000.000đ để đưa mẹ chồng đi khám chữa bệnh. Trong khi chị Hằng lấy tiền cho H vay thì H có nhìn thấy nơi cất tiền và nơi để chìa khóa tủ của gia đình chị A. Khoảng 19h30 ngày 16-4-2018, H đi bộ một mình sang nhà chị A thì thấy không có ai ở nhà (Cả nhà A đi lễ tại nhà thờ của xã). Phát hiện cửa cổng vào nhà chỉ khép hờ, không khóa, H mở cổng vào sân rồi đi đến vị trí để chìa khóa nhà ở ô nhỏ trên tường gần cửa ra vào, lấy chìa khóa, mở cửa chính lên vào trong nhà và đi thẳng vào phòng ngủ của chị A. H đến vị trí để chiếc ba lô màu đen ở giường ngủ, lục tìm được chiếc chìa khóa tủ đựng quần áo của chị A, H mở khóa cánh tủ bên phải lấy 01 chiếc túi bằng da màu đen, trong túi có một chiếc ví da màu hồng, H mở ví thấy có nhiều tờ tiền có mệnh giá 500.000đ, H rút lấy khoảng nửa số tiền trong ví rồi bỏ vào túi quần bên trái của mình đang mặc, rồi lại bỏ chiếc ví da màu hồng vào túi và để chiếc túi vào đúng vị trí cũ, khóa tủ, khóa cửa chính, cất chìa khóa vào vị trí ban đầu rồi ra về. Khi về đến nhà, H đếm số tiền vừa lấy được của chị A là 7.000.000đ.

Biết trong ví của chị A vẫn còn tiền nên H lại tiếp tục sang lấy, khoảng 19h30 ngày 21-4-2018, H đi bộ sang nhà chị A, quan sát, phát hiện thấy gia đình chị A không có ai ở nhà, bằng thủ đoạn như lần trước, H tiếp tục lấy toàn bộ số tiền còn lại trong chiếc ví màu hồng của chị A để trong tủ, về đến nhà H đếm được 6.500.000đ. Toàn bộ số tiền trộm cắp được H sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và trả nợ.

Ngày 25-4-2018, chị Trần Thị A có đơn trình báo cơ quan CSĐT Công an huyện V.

Về bồi thường thiệt hại: Ngày 10-5-2018, Nguyễn Thị H đã tự nguyện trả lại cho chị Trần Thị A số tiền 13.500.000 đồng. Chị A đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bồi thường gì.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 21/CT-VKSVB ngày 06-6-2018 của Viện kiểm sát nhận dân huyện V đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

* Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo lao động tại địa phương.

Chị Trần Thị A có mặt tại phiên tòa trình bày về nội dung sự việc phù hợp với lời khai của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Chị A xác định đã nhận lại đủ số tiền 13.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Thị H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng tại cơ quan điều tra; phù hợp với biên bản thu giữ đồ vật tài liệu; sơ đồ hiện trường; biên bản khám nghiệm nghiệm trường, cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án đã được thu thập có trong hồ sơ. Nên có đủ căn cứ để kết luận:

Vào các ngày 16-4-2018 và 21-4-2018, Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ở của chị Trần Thị A ở thôn X, xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định để chiếm đoạt số tiền 13.500.000đ của chị A. Hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 như Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do tham lam tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần trộm cắp tài sản của chị A nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

[5] Đường lối xử lý: Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhất thời phạm tội do hoàn cảnh khó khăn, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Chị A đã nhận lại đủ số tiền 13.500.000 đồng và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Nam Định để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Nam Định;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Nam Định;
- UBND xã Y;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng